

Phụ lục III
DANH MỤC HÀNG HÓA, DỊCH VỤ THỰC HIỆN KÊ KHAI GIÁ

(Ban hành kèm theo Quyết định số /2025/QĐ-UBND
ngày tháng năm 2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố)

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Cơ quan quy định đặc điểm kinh tế - kỹ thuật của hàng hóa, dịch vụ	Cơ quan tiếp nhận
A	Hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê khai giá trên phạm vi cả nước		
I	Hàng hóa, dịch vụ bình ổn giá		
1	Xăng, dầu thành phẩm	Bộ Công Thương	- Sở Công Thương - Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và Ủy ban nhân dân quận, huyện
2	Khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG)	Bộ Công Thương	- Sở Công Thương - Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và Ủy ban nhân dân quận, huyện
3	Sữa dành cho trẻ em dưới 06 tuổi	Bộ Y tế	- Sở An toàn Thực phẩm Thành phố; - Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và Ủy ban nhân dân quận, huyện
4	Thóc tẻ, gạo tẻ	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và Ủy ban nhân dân quận, huyện
5	Phân đạm; phân DAP; phân NPK	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và Ủy ban nhân dân quận, huyện
6	Thức ăn chăn nuôi, thức ăn thủy sản	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và Ủy ban nhân dân quận, huyện

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Cơ quan quy định đặc điểm kinh tế - kỹ thuật của hàng hóa, dịch vụ	Cơ quan tiếp nhận
7	Vắc - xin phòng bệnh cho gia súc, gia cầm	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và Ủy ban nhân dân quận, huyện
8	Thuốc bảo vệ thực vật	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và Ủy ban nhân dân quận, huyện
9	Thuốc thuộc danh mục thuốc thiết yếu được sử dụng tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Bộ Y tế	- Sở Y tế
II	Hàng hoá, dịch vụ do Nhà nước định khung giá, giá tối đa, giá tối thiểu để các tổ chức định mức giá cụ thể bán cho người tiêu dùng		- Sở chuyên ngành tiếp nhận kê khai giá theo thẩm quyền quản lý ngành, lĩnh vực. - Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và quận, huyện
III	Hàng hóa, dịch vụ thiết yếu khác do Chính phủ ban hành		
1	Xi măng	Bộ Xây dựng	- Sở Xây dựng - Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và quận, huyện
2	Nhà ở, nhà chung cư	Bộ Xây dựng	- Sở Xây dựng - Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và quận, huyện
3	Công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung đầu tư ngoài nguồn ngân sách nhà nước (giá thuê)	Bộ Xây dựng	- Sở Xây dựng, Sở Giao thông vận tải (theo phân công của Ủy ban nhân dân Thành phố đối với từng công trình hạ tầng kỹ thuật) - Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và quận, huyện

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Cơ quan quy định đặc điểm kinh tế - kỹ thuật của hàng hóa, dịch vụ	Cơ quan tiếp nhận
4	Thép xây dựng	Bộ Công Thương	- Sở Công Thương - Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và quận, huyện
5	Than	Bộ Công Thương	- Sở Công Thương - Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và quận, huyện
6	Etanol nhiên liệu không biến tính	Bộ Công Thương	- Sở Công Thương - Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và quận, huyện
7	Khí tự nhiên hóa lỏng (LNG); khí thiên nhiên nén (CNG)	Bộ Công Thương	- Sở Công Thương - Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và quận, huyện
8	Thuốc thú y để tiêu độc, sát trùng, tẩy trùng, trị bệnh cho gia súc, gia cầm và thủy sản	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và quận, huyện
9	Đường ăn bao gồm đường trắng và đường tinh luyện	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và quận, huyện
10	Muối ăn	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và quận, huyện
11	Dịch vụ vận tải hành khách tuyến cố định bằng đường bộ	Bộ Giao thông vận tải	- Sở Giao thông vận tải - Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và quận, huyện
12	Thực phẩm chức năng cho trẻ em dưới 06 tuổi	Bộ Y tế	- Sở An toàn Thực phẩm Thành phố - Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và quận, huyện
13	Thiết bị y tế	Bộ Y tế	- Sở Y tế - Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và quận, huyện

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Cơ quan quy định đặc điểm kinh tế - kỹ thuật của hàng hóa, dịch vụ	Cơ quan tiếp nhận
14	Dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh theo yêu cầu tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước	Bộ Y tế	- Sở Y tế - Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và quận, huyện
15	Dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh cho người tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tư nhân	Bộ Y tế	- Sở Y tế - Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và quận, huyện
B	Hàng hóa, dịch vụ đặc thù thực hiện kê khai giá		
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Cơ quan quy định đặc điểm kinh tế - kỹ thuật của hàng hóa, dịch vụ	Cơ quan tham mưu (*), tiếp nhận
1	Dịch vụ lưu trú	Ủy ban nhân dân Thành phố	- Sở Du lịch
2	Dịch vụ trông giữ xe được đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước	Ủy ban nhân dân Thành phố	- Sở Giao thông vận tải; - Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và quận, huyện
3	Dịch vụ tham quan tại khu du lịch trên địa bàn	Ủy ban nhân dân Thành phố	- Sở Du lịch
4	Dịch vụ vận tải hàng hóa và hành khách tuyến cố định bằng đường thủy nội địa-đường biển	Ủy ban nhân dân Thành phố	- Sở Giao thông vận tải - Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức, quận huyện
5	Vật liệu xây dựng chủ yếu khác (ngoài xi măng, thép quy định tại Danh mục kê khai giá trên phạm vi cả nước)	Ủy ban nhân dân Thành phố	- Sở Xây dựng
6	Giống phục vụ sản xuất nông nghiệp	Ủy ban nhân dân Thành phố	- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

(*) Cơ quan tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành quy định đặc điểm kinh tế - kỹ thuật của hàng hóa, dịch vụ đặc thù thực hiện kê khai giá

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ